

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2020/DS-ST

Ngày: 29-4-2020.

V/v Hợp đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phiêu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đại C, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1970;

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1971.

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1936.

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Thu T2, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T2 ủy quyền cho anh Nguyễn Đại C theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn N, chức vụ chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Văn Đ, chức vụ phó chủ tịch.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại C, bị đơn ông H, bà T có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T2 quyền cho anh C có mặt, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình ông Đ vắng mặt có lý do, ông T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử,

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại C trình bày:

Vào ngày 28/11/2017, anh C cùng vợ là chị Nguyễn Thu T2 có thỏa thuận với ông Huỳnh Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị Ánh T nhận chuyển nhượng một phần đất ngang 20m x dài từ mé lộ đến kênh Hồ Đấu, diện tích 278,3m², thuộc một phần thửa 589, tờ bản đồ số 01, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, nguồn gốc đất của ông Huỳnh Văn T1 (cha của ông H), với giá chuyển nhượng là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), anh C, chị T2 đã giao đủ tiền cho ông H, bà T và có làm tờ mua bán đất, có ông Phan Trọng Tuệ, ông Nguyễn Hữu Kỳ, ông Nguyễn Thanh Hòa làm chứng.

Năm 2018 anh C định xây dựng nhà trên phần đất nêu trên, thì ông Tuấn, ông Tùng ngăn cản không cho xây dựng, ngày 20/7/2018 ông H có làm tờ cam kết xin cho thời hạn 03 tháng sẽ giao đất cho anh C, nhưng đến nay vẫn chưa giao đất.

Nay anh C yêu cầu tuyên bố Tờ mua bán đất ngày 28/11/2017(AL) vô hiệu, yêu cầu ông H, bà T liên đới trả lại cho anh C, chị T2 số tiền đã nhận để chuyển nhượng đất là 90.000.000đ và bồi thường thêm số tiền 30.000.000đ, tổng cộng là 120.0000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), với lý do anh C, chị T2 đã giao đủ tiền cho ông H, bà T từ tháng 11/2017 đến nay không giao đất và đất không đủ điều kiện chuyển nhượng do chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Không yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 có trách nhiệm trả lại số tiền nêu trên, do không có thỏa thuận chuyển nhượng đất với ông T1, mà giao tiền trực tiếp cho ông H, bà T.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà T, ông T1 không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh C, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông H, bà T, ông T1 về việc yêu cầu khởi kiện của anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T2 ủy quyền cho anh C thống nhất lời trình bày của anh C và thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình trình bày: Anh C, chị T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H, bà T thuộc một phần thửa 589, tờ bản đồ số 01, loại đất thủy lợi, tọa lạc xã Tân Phú, do Ủy ban nhân dân xã quản lý, không có chủ trương cho cấp giấy chứng nhận QSD đất và không đủ điều kiện chuyển nhượng đất, đề nghị Tòa án huyện giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đại C và là người đại diện ủy quyền của chị T2 trình bày: Anh C biết rõ nguồn gốc đất này là của ông T1, không có giấy chứng nhận QSD đất, chuyển nhượng đất chỉ làm giấy tay, từ năm 2017 đến nay ông H, bà T đã nhận số tiền 90.000.000đ, nhưng không giao đất. Nay anh yêu cầu ông H, bà T cùng liên đới trả lại cho anh C và chị T2 số tiền 90.000.000đ và bồi thường số tiền 30.000.000đ do không giao đất, tổng cộng là 120.000.000đ, anh C thống nhất chịu 50% chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định, đo đạc.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh T cùng trình bày: Do phần đất này có nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn T1, ông H và bà T được ông T1 ủy quyền để làm giấy tờ mua bán đất với anh C, chị T2. Ông H và bà T đã nhận đủ số tiền 90.000.000đ của anh C giao, do đất này chưa có giấy chứng nhận QSD đất và đang tranh chấp nên không thể chuyển nhượng cho anh C. Nay ông H, bà T thống nhất liên đới trả lại cho anh C, chị T2 số tiền 90.000.000đ, không thống nhất bồi thường số tiền 30.000.000đ, thống nhất tự nguyện chịu 50% chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định, đo đạc đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện, chị T2 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS năm 2015. Riêng đối với bị đơn ông H, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS năm 2015 cần phê phán rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 123, khoản 1, 2 Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 191 Luật đất đai năm 2013, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh C về việc buộc vợ chồng ông H, bà T liên đới trả lại số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 90.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C về việc buộc vợ chồng ông H, bà T liên đới trả lại số tiền bồi thường là 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông H, bà T hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy ông T1 đã được triệu tập, tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt, không có lý do, đã chứng minh được ông T1 cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ Tờ mua bán đất ngày 28/11/2017 (al) anh C và chị T2 yêu cầu ông H, bà T liên đới trả lại 90.000.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ, tổng cộng là 120.000.000đ, yêu cầu tuyên bố Tờ mua bán đất ngày 28/11/2017 vô hiệu, do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, Ủy ban nhân dân xã quản lý, không đủ điều kiện để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết vào năm 2017, đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp, nên áp dụng quy định bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết.

[3] Về nội dung.

[3.1.] Đối với Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất.

Căn cứ Tờ mua bán đất ngày 28/11/2017(AL) việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà T và anh C, chị T2 là có thật, ông H, bà T đã nhận đủ tiền chuyển nhượng với số tiền là 90.000.000đ, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu Kỳ, ông Nguyễn Thanh Hòa, ông Phan Trọng Tuệ, nhưng không làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật, với lý do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tại phiên tòa ông H, bà T thống nhất liên đới trả lại cho anh C, chị T2 số tiền 90.000.000đ, không thống nhất bồi thường số tiền 30.000.000đ.

Căn cứ Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, vị trí đất chuyển nhượng giữa ông H, bà T và anh C, chị T2 thuộc một phần thửa 589, tờ bản đồ số 01, diện tích 278,3m²(TL), tọa lạc tại xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp kênh Hồ Đẩu là: 20,12m (từ mốc 02 đến mốc 03); Hướng Tây giáp đường Võ Văn Kiệt là: 20,11m (từ mốc 01 đến

mốc 04); Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 589 là: 14,01m (từ mốc 03 đến mốc 04); Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 589 là: 14m (từ mốc 01 đến mốc 02), diện tích là 278,3m² (từ mốc 01,02,03,04 về mốc 01).

Căn cứ Công văn số 960/UBND-NC ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cung cấp thông tin như sau: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn Đờm (cha của ông Huỳnh Văn T1) thuộc một phần thửa 589, tờ bản đồ số 01 do hộ dân sử dụng. Theo sổ mục kê đất đang quản lý tại Chi nhánh VPĐK đất đai huyện và Ủy ban nhân dân xã Tân Phú thì mục đích sử dụng là đất Thủy lợi (TL), thuộc quyền quản lý của địa phương, hiện do các hộ dân sử dụng một phần cấp theo đường Võ Văn Kiệt. Do phần đất tranh chấp theo sổ mục kê Chi nhánh VPĐK đất đai Huyện và UBND xã Tân Phú quản lý, hiện nay UBND huyện chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ dân sử dụng trên phần đất đó. UBND huyện không có ý kiến, đề nghị Tòa án huyện xem xét giải quyết đúng theo quy định pháp luật vì phần đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất nên không đủ điều kiện chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Căn cứ vào Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người sử dụng đất như sau: “a) Có giấy chứng nhận; b) Đất không có tranh chấp; c) QSD đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; d) Trong thời hạn sử dụng đất”. Căn cứ khoản 1 Điều 191 Luật đất đai năm 2013 quy định về trường hợp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất: “1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất đối với trường hợp mà pháp luật không cho phép chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất”.

Căn cứ quy định tại Điều 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015, việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà T và anh C, chị T2 đã vi phạm vào điều cấm của pháp luật do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, mục đích sử dụng đất là đất thủy lợi do UBND xã quản lý.

Do đó giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên giữa ông H, bà T và anh C, chị T2 là vô hiệu, giao dịch vô hiệu thì khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại thì pH bồi thường. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh C buộc ông H, bà T có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh C, chị T2 số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), do phần đất thỏa thuận chuyển nhượng nêu trên, hiện nay UBND xã Tân Phú quản lý nên không buộc anh C, chị T2 trả lại quyền sử dụng đất.

[3.2] Đối với việc ông C yêu cầu ông H, bà T pH bồi thường số tiền 30.000.000đ.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản đối với phần đất nêu trên có giá trị là $70.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 278,3\text{m}^2 = 19.481.000\text{đ}$ (*Mười chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*), thấp hơn giá trị đất thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên không có thiệt hại xảy ra. Mặc khác, anh C, chị T2 và ông H, bà T biết rõ đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, không đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên các đương sự đều có lỗi. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh C, chị T2 đối với việc yêu cầu ông H, bà T bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

[3.3.] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1: Anh C và ông H đều cho rằng nguồn gốc đất là của ông T1, ông T1 thống nhất giao cho ông H toàn quyền quyết định việc chuyển nhượng đất cho anh C. Tại phiên tòa anh C chỉ yêu cầu ông H, bà T liên đới trả lại số tiền đã nhận là 90.000.000đ, không yêu cầu gì đối với ông T1. Mặc khác, từ khi Tòa án thông báo ông T1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông T1 không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án và không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến và yêu cầu của ông T1.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa anh C, ông H, bà T thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu 50% chi định giá tài sản và chi phí thẩm định, đo đạc đất, việc thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật và là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Số tiền định giá, thẩm định, đo đạc đất, tổng cộng là 2.271.000đ (*Hai triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn đồng*), anh C đã nộp và chi xong, vì vậy buộc ông H, bà T có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh C 50% chi phí tố tụng là 1.135.500đ (*Một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh T pH liên đới chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 5% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 90.000.000đ buộc trả lại cho nguyên đơn là 4.500.000đ (*Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông H, bà T pH liên đới chịu là 4.800.000đ (*Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối yêu cầu ông H, bà T bồi thường số tiền 30.000.000đ không được chấp nhận là 1.500.000đ (*Một triệu*

năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 2.250.000đ (*Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số BH/2018-0003968 ngày 19/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, hoàn trả cho anh C số tiền 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 188, khoản 1 Điều 191 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 123, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đại C, chị Nguyễn Thu T2 đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Ánh T về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

1.1. Tuyên bố Tờ mua bán đất lập ngày 28/11/2017 (AL) giữa anh Nguyễn Đại C, chị Nguyễn Thu T2 với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Ánh T vô hiệu.

1.2. Buộc ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Đại C, chị Nguyễn Thu T2 số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đại C, chị Nguyễn Thu T2 đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Ánh T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về chênh lệch giá trị đất với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

3. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại C thống nhất tự nguyện chịu 1.135.500đ (*Một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*), anh C đã nộp và chi xong.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Nguyễn Đại C tiền chi phí tố tụng là 1.135.500đ (*Một*

triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Ánh T phải liên đới trách nhiệm chịu là 4.800.000đ (*Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T2 phải liên đới trách nhiệm chịu 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 2.250.000đ (*Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số BH/2018-0003968 ngày 19/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, hoàn trả cho anh Nguyễn Đại C 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ